SỞ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI
AN GIANG
TRƯỜNG TRUNG CẤP KỸ THUẬT-TỔNG HỢP
AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC/ MÔ ĐUN

Lớp: **TPL23B1KH** Năm học: **23-24**

Mã MH/MĐ: **MH02147** Học kỳ: **01**

Tên MH/MĐ: **Lý luận nhà nước và pháp luật**

Số TC: **2**

STT	MSHS	Họ tên		Ngày sinh	Hệ số 1				Hệ số 2					Thi L1	Thi L2	ĐMH/ MĐ
1	2353801015277	Nguyễn Trung	An	19/05/1987				8	8.0					9.6		9.0
2	2353801015278	Huỳnh Văn	Chiến	10/07/1977				7	7.5					8.2		7.9
3	2353801015279	Nguyễn Bé	Dư	04/05/1982				7	7.5					10.0		8.9
4	2353801015280	Lê Thanh	Dũng	01/01/1965				8	8.5					10.0		9.3
5	2353801015281	Huỳnh Văn	Đèo	18/03/1988				7	7.5					9.8		8.8
6	2353801015282	Nguyễn Tạ Trúc	Giang	19/09/1982				8	8.0					9.8		9.1
7	2353801015283	Nguyễn Thị	Giang	21/06/1990				7	7.5					9.0		8.3
8	2353801015284	Nguyễn Thị Hồng	Hạnh	01/11/1985				8	8.0					9.4		8.8
9	2353801015285	Lê Minh	Hiền	20/02/2001				7.5	7.5					9.2		8.5
10	2353801015286	Nguyễn Văn	Hiền	06/12/1983				8	8.0					8.2		8.1
11	2353801015287	Thái Xuân	Hoàng	02/09/1988				8	8.0					9.2		8.7
12	2353801015288	Võ Minh	Hùng	09/11/1996				0	0.0					0.0	0.0	0.0
13	2353801015289	Huỳnh Quốc	Huy	18/10/1993				8	8.0					9.6		9.0
14	2353801015290	Nguyễn Hoàng	Khanh	01/12/1982				8.5	9.0					9.8		9.4
15	2353801015291	Nguyễn Thị Diễm	Kiều	14/03/1985				8	8.0					8.6		8.4
16	2353801015292	Phạm Thị Mỹ	Lệ	04/05/1983				8	8.0					9.8		9.1
17	2353801015293	Ngô Văn	Nấm	19/11/1975				7	7.5					7.4		7.4
18	2353801015294	Trịnh Thị Kim	Ngân	15/11/1993				7.5	7.5					9.6		8.8
19	2353801015295	Trần Văn	Nghé	19/05/1985				8	8.5					10.0		9.3
20	2353801015296	Huỳnh Văn	Nghĩa	08/05/1974				7.5	8.0					8.4		8.2
21	2353801015297	Nguyễn Đức	Nhã	20/05/1974				7.5	8.0					8.2		8.1
22	2353801015298	Lê Thành	Nhân	10/05/1988				8	8.5					10.0		9.3
23	2353801015368	Lê Thị Ngọc	Thảo	12/08/1987				7.5	8.5					10.0		9.3
24	2353801015374	Võ Thị Bích	Ngà	27/01/2008				0	0.0					0.0	0.0	0.0
25	2353801015375	Nguyễn Minh	Thuận	19/09/2003				7.5	7.5					8.4		8.0

Châu Đốc, ngày 1 *tháng* 7 *năm* 2024

TP. Đào tạo **Giáo viên giảng dạy**

Ths. Trần Thanh Dũng **Võ Hoàng Nhu**